

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 10/2018/KDTM –PT

Ngày : 13-11-2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công A

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoài B

Ông Nguyễn Văn C

-Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Duy D là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Đào Thanh E– Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2018/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 23/2018/KDTM-ST ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXX-PT ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Trụ sở: 119-121 đường H, Phường F, TP. G;

Đại diện theo pháp luật: Ông Phương Hữu P - Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Ngọc O - Phó giám đốc Ngân hàng TMCP
A - Chi nhánh X (Văn bản ủy quyền số: 2765/2015/GUQ-GĐ.TT.XLN ngày
22/6/2015)(Có mặt)

Địa chỉ: 268 đường I, TP.X, tỉnh F

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Đăng C, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: 159 đường M, Phường N, TP. X (Có mặt)

2.2 Bà Phạm Thị Minh K, sinh năm 1977.

Địa chỉ: H38/04/K196 đường I', Tổ 49, Phường N, Quận B, TP. C (Vắng
mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Z;

Trụ sở: 159 đường M, TP. X

Người đại diện theo pháp luật: bà Hồ Thị Minh D - Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: 48 đường N, tổ 13, Phường K, Quận F, TP. C (Vắng mặt).

3.2 Bà Lê Thị O

Địa chỉ: H38/04/K196 đường I', Tổ 49, Phường N, Quận B, TP. C (Vắng
mặt).

4. Người làm chứng: Vợ chồng bà Lê Thị X và ông Trần Mộc M

Địa chỉ: thôn C, xã G, TX. N.(Vắng mặt)

5. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đăng C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/04/2013 và các lời khai tiếp theo trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại Cổ phần A (Viết tắt là Ngân hàng) có cho ông Nguyễn Đăng C và bà Phạm Thị Minh K vay tiền theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 68/11/VAB-QNH/HĐNH ngày 29/12/2011 với số tiền vay gốc 3.200.000.000 đồng, mục đích vay để góp vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 29/12/2012, lãi suất vay trong hạn 22%/năm, lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 01 tháng/lần, tiền lãi vay sẽ được trả vào ngày 29 định kỳ 6 tháng 01 lần.

Tài sản thế chấp: Ông C và bà K đã thế chấp Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại 159 đường M, Phường N, TP. X (thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Z) theo hợp đồng thế chấp số 09/10/VAB-QNH/TCBLBĐS ngày 27/8/2010 và phụ lục hợp đồng thế chấp số 09/10/VAB-QNH/TCBLBĐS ngày 29/12/2011. Từ ngày 29/11/2011 đến ngày 13/6/2012 ông C, bà K đã trả cho VAB số tiền nợ gốc là 107.873.000đ và 29.378.333 đồng tiền lãi. Từ ngày 13/1/2012 đến nay ông Nguyễn Đăng C và bà Phạm Thị Minh K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng.

Tính đến ngày 25/6/2018 ông C, bà K còn nợ gốc và lãi là: 8.905.329.873 đồng (Trong đó nợ gốc 3.092.127.000 đồng, lãi trong hạn: 646.774.010 đồng, lãi quá hạn 5.166.428.863 đồng). Do ông C và bà K vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay theo quy định của hợp đồng tín dụng. Nên Ngân hàng yêu cầu Toà án buộc ông C, bà K có nghĩa vụ trả số nợ tạm tính đến ngày 25/6/2018 là : 8.905.329.873 đồng và lãi phát sinh sau ngày 25/6/2018 cho đến khi trả hết nợ. Riêng đối với số tiền lãi phạt

1.131.375.979 đồng Ngân hàng không yêu cầu Tòa giải quyết. Nếu ông C và bà K không trả được nợ, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

Bị đơn bà Phạm Thị Minh K và ông Nguyễn Đăng C trình bày: Bà K, ông C thừa nhận có vay Ngân hàng thương mại Cổ phần A theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 68/11/VAB-QNH/HĐNH ngày 29/12/2011 với số tiền vay gốc là 3.200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay trong hạn 22%/năm, lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 01tháng/lần, tiền lãi vay sẽ được trả vào ngày 29 (06 tháng/1 lần), lãi suất vay trong hạn hiện nay là 20%/năm như đại diện Ngân hàng đã trình bày. Để đảm bảo cho khoản nợ vay trên ông, bà đã thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại 159 đường M, Phường N, TP. X thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Z.

Nay bà K, ông C xác nhận còn nợ Ngân hàng thương mại Cổ phần A số tiền nợ gốc 3.092.127.000 đồng nợ gốc. Đối với nợ lãi trong hạn ông bà xin được tính theo mức lãi suất cơ bản do Nhà nước công bố hiện nay là: $0,75 \times 150\% = 1.125\%/tháng$. Riêng lãi quá hạn và lãi phạt quá hạn ông bà xin được miễn trả. Về số tiền nợ gốc ông bà xin được kéo dài thời hạn trả, cụ thể khi nào ông bà bán nhà được sẽ trả nợ cho Ngân hàng.

Ngày 21/04/2014 ông C, bà K nộp đơn phản tố với nội dung: Ngày 27/08/2010 ông bà có ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 09/10/VAB-QNH/HĐNH với Ngân hàng TMCP A - CN X (gọi tắt là VAB) với số tiền là 2.900.000.000 đồng, lãi suất 16,5%/năm, mục đích vay góp vốn kinh doanh. Tuy nhiên, Ngân hàng chỉ giải ngân 2.800.000.000 đồng, giữ lại 100.000.000 đồng. Đến tháng 12/2011 ông bà không có khả năng trả nợ nên xin Ngân hàng được đáo hạn, cụ thể nợ gốc 2.800.000.000 đồng và nợ lãi là 400.000.000 đồng. Ngày 29/12/2011 ông bà làm đơn xin vay 3.200.000.000 đồng, Ngân hàng đã nhập số tiền gốc

2.800.000.000 đồng và lãi 400.000.000 đồng chung thành Hợp đồng tín dụng ngắn hạn mới với số tiền gốc là 3.200.000.000 đồng, ông bà đồng ý và ký vào hợp đồng tín dụng số 68/11/VAB-QNH/HĐNH ngày 29/11/2011 nhưng Ngân hàng ra điều kiện chi phí để được vay đáo hạn hợp đồng nói trên là 50.000.000 đồng, tháng 01/2012 bà K đã trực tiếp giao cho anh M là nhân viên của Ngân hàng. Do đó, bà K, ông C yêu cầu Ngân hàng phải trừ 50.000.000 đồng nói trên vào nợ gốc và xác định nợ gốc 2.800.000.000 đồng để tính lãi suất cho ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Z do bà Hồ Thị Minh D, Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của công ty trình bày:

Bà là mẹ ruột của ông Nguyễn Đăng C, bà Phạm Thị Minh K là con dâu của bà nhưng ông C và bà K đã ly hôn. Trước đây, khi mới thành lập công ty vào năm 2005 bà có cho ông C và bà K mượn 1.800.000.000 đồng để ông C, bà K mua nhà 159 đường M, Phường N, TP. X. Việc vay mượn nói trên ông C có viết giấy mượn, không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả. Năm 2014 bà được biết ông C và bà K đã ly hôn (không rõ ngày tháng) bà có đòi tiền thì ông C không có khả năng trả nên bà có đề nghị chuyển giao Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Z (Viết tắt là Công ty Z) (lúc này do ông C đang làm đại diện) cho bà làm đại diện theo pháp luật, cho đến thời điểm hiện nay Công ty vẫn hoạt động bình thường. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 159 đường M, Phường N, TP. X là của công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và xây dựng công nghiệp dân dụng, giấy CNĐKKD 35 03 00020 ngày 31/3/2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư Bình Định cấp. Đến ngày 26/8/2010 thay đổi tên công ty thành Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Z. Với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty Z bà thừa nhận có biết việc ông C và bà K vay tiền của Ngân hàng nhưng mãi đến năm 2012 bà mới biết thông qua anh M - nhân viên của Ngân hàng A. Tuy nhiên, việc ông C, bà K vay

để làm gì, số tiền vay bao nhiêu, lãi suất và thời hạn trả và việc ông C, bà K thế chấp tài sản là đất sản xuất kinh doanh và tài sản gắn liền với đất tại số 159 đường M, Phường N, TP. X thì bà không biết. Thời điểm thế chấp tài sản thì bà K là người đại diện theo pháp luật. Mục đích của việc Công ty Z thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà yêu cầu ông C bàn giao cho bà quản lý với mục đích để bà thu hồi nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C, bà K phải trả khoản nợ gốc 3.092.127.000 đồng, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 68/11VAB-QNH/HĐNH ngày 29/12/2011 với tư cách là người đại diện theo pháp luật Công ty Z bà có ý kiến như sau: Yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện giảm tiền lãi quá hạn và lãi phạt để ông C, bà K có điều kiện trả nợ gốc. Nếu ông C, bà K không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng, thì Công ty Z đồng ý xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Lê Thị O trình bày:

Bà là mẹ ruột của bà Phạm Thị Minh K, ông Nguyễn Đăng C là con rể của bà. Bà là thành viên của Công ty Z nhưng hiện nay bà không còn là thành viên công ty nên bà cũng không biết ai là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Việc ông C và bà K vay tiền của Ngân hàng 3.200.000.000 đồng bà hoàn toàn không biết. Biên bản cuộc họp ngày 16/08/2010 của Hội đồng quản trị Công ty về việc bảo lãnh vay vốn sản xuất kinh doanh bà không tham gia cuộc họp và cũng không ký vào biên bản trên. Nay Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu ông C, bà K phải trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng bà không có ý kiến gì. Hiện nay sức khỏe bà không đảm bảo để tham gia tố tụng tại Tòa nên bà yêu cầu Tòa hòa giải và xét xử vắng mặt bà.

Người làm chứng Bà Lê Thị X trình bày:

Vợ chồng bà thành lập Công ty TNHH N năm 2007, ông C là người thiết kế xây dựng công ty cho vợ chồng bà. Năm 2011 ông C, bà K có vay tiền của Ngân hàng TMCP A (cụ thể vay bao nhiêu thì bà không rõ). Thời điểm này vợ chồng bà

cần vốn để kinh doanh nên có vay lại của ông C, bà K 1.600.000.000 đồng + 150.000.000 đồng tiền thiết kế = 1.750.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay 1 năm. Thực hiện hợp đồng vay, bà đã trả lãi cho ông C, bà K đầy đủ. Riêng khoản nợ gốc vợ chồng bà chưa trả đúng hạn vì gặp khó khăn trong kinh doanh nên ông C, bà K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn giải quyết. Tại phiên hòa giải ngày 13/12/2011 Tòa án đã hòa giải thành với nội dung: ngày 28/2/2012 Công ty TNHH N có nghĩa vụ trả cho ông C, bà K 2.192.000.000 đồng (bao gồm gốc và lãi). Từ ngày 28/2/2012 đến nay vợ chồng bà đã trả cho ông C, bà K rất nhiều lần (trả bằng phân bón), số liệu cụ thể Công ty N đã trả $1.266,8 \text{ tấn phân bón} \times 1.600.000 = 2.026.880.000$ đồng; hiện Công ty N chỉ còn nợ $103,2 \text{ tấn} \times 1.600.000 = 164.800.000$ đồng. Trước đó bà K có nhận 576 tấn phân bón tương đương 921.600.000 đồng, sau đó (không nhớ rõ thời gian nào) ông C báo với công ty N không cho bà K nhận nữa nên Công ty đã giao trả cho ông C 690 tấn phân bón tương đương 1.105.280.000 đồng. Thời điểm vợ chồng bà vay tiền thì bà K là người đại diện theo pháp luật của Công ty Z, sau này có thay đổi người đại diện hay không thì bà không rõ. Bà xác định quan hệ vay mượn giữa bà và ông C, bà K là quan hệ độc lập và đã giải quyết xong bằng quyết định công nhận của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn. Đến thời điểm hiện nay Công ty N cũng đã trả gần xong khoản tiền vay này. Việc ông C, bà K cho rằng bà liên quan đến phí đảo hạn và nợ của Ngân hàng là không đúng yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết để bảo vệ quyền lợi cho bà. Tòa án đã triệu tập vợ chồng bà đến Tòa rất nhiều lần để làm việc với vợ chồng ông C nhưng ông C, bà K không đến, nên yêu cầu tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà, bà cam đoan sẽ chấp nhận mọi phán quyết của Tòa án.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 23/2018/KDTM-ST ngày 25 tháng 6 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A. Buộc chị Phạm Thị Minh K và anh Nguyễn Đăng C có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền: 8.905.329.873 đồng (Trong đó lãi trong hạn : 646.774.010 đồng, lãi quá hạn 5.166.428.863 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông C, bà K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 68/11/VAB-QNH/HĐNH ngày 29/12/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP A thì lãi suất mà ông C, bà K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần A .

Nếu ông C, bà K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi thì toàn bộ tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 09/10/VAB-QNH/TCBLBĐS ngày 27/8/2010 và phụ lục hợp đồng thế chấp số 09/10/VAB-QNH/TCBLBĐS ngày 29/12/2011 sẽ được phát mãi theo quy định của pháp luật để trả nợ cho Ngân hàng là nhà và đất có số thửa 194, tờ bản đồ số 16, địa chỉ nhà đất tại số 159 đường M, Phường N, TP. X, được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số AD 713494, số vào sổ T00420 ngày 05/01/2006 cho Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng công nghiệp dân dụng (Nay đổi thành Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Z).

Trong trường hợp việc phát mãi tài sản không đủ để trả nợ, ông C, bà K phải tiếp tục thanh toán các khoản nợ cho đến khi trả xong.

Nếu ông C, bà K hoàn thành việc trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có trách nhiệm hoàn trả các giấy tờ thế chấp tài sản đã giữ cho Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Z.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Minh K và ông Nguyễn Đăng C về việc xin được giảm nợ gốc và nợ lãi.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu Ngân hàng Thương mại cổ phần A phải trừ 50.000.000 đồng vào nợ gốc và xác định nợ gốc 2.800.000.000 đồng để tính lãi suất.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A về việc không yêu cầu ông C, bà K phải trả lãi phạt chậm trả.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, quyền nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, bị đơn ông Nguyễn Đăng C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Đăng C vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án và đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do: Ngân hàng TMCP A thực hiện việc đảo nợ đối với hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 68/11VAB-QNH/HĐNH ngày 29/12/2011 Ngân hàng TMCP A là trái với quy định pháp luật; hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 68/11VAB-QNH/HĐNH ngày 29/12/2011 bị vô hiệu do vi phạm điều cấm nên bị đơn không phải tính lãi; cấp sơ thẩm tuyên cho phát mãi tài sản thế chấp là không đúng quy

định của pháp luật; cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo hợp lệ, thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Đăng C, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Kháng cáo của bà của Ông Nguyễn Đăng C trong hạn luật định, hình thức và nội dung đơn đúng quy định, ông C đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ. Bà K, D, O, X, ông M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Đăng C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: Ông C và bà K thừa nhận có ký kết Hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh X theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 68/11/VAB-QNH/HĐNH ngày 29/12/2011, với số tiền vay là

3.200.000.000đồng; Mục đích vay là góp vốn kinh doanh; thời hạn trả nợ là đến ngày 29/12/2012. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nói trên, ông bà đã trả được 101.873.000đồng tiền gốc và 29.378.333 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/6/2018, ông bà còn nợ ngân hàng số tiền là 8.905.329.873 đồng. (Trong đó: tiền gốc là 3.092.127.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 646.774.010 đồng; tiền lãi quá hạn là: 5.166.428.863đồng). Tại biên bản đối chất ngày 28/6/2013 (bút lục 107) ông C, bà K cũng đã thừa nhận còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 3.092.127.000 đồng. Mặt khác, trước khi cho ông C, bà K vay theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 68/11/VAB-QNH/HĐNH ngày 29/12/2011, hai bên cũng đã tắt toán, kết thúc hợp đồng tín dụng số 09/10/VAB-Nh/HĐNH ngày 27/8/2010 với số tiền vay 2.900.000.000đ cụ thể: Ngày 14/01/2011 ông C, bà K đã trả 100.000.000đ, còn nợ 2.800.000.000đ. Ngày 29/12/2011 bà K đã nộp tổng số tiền 3.216.471.409đ (trong đó gồm 2.800.000.000đ tiền gốc và 416.471.409đ tiền lãi) để tắt toán, kết thúc hợp đồng tín dụng số 09/10/VAB-Nh/HĐNH ngày 27/8/2010 (Thể hiện qua 03 phiếu thu ngày 29/12/2011), mặc dù thời điểm kết thúc hợp đồng tín dụng số 09/10/VAB-Nh/HĐNH ngày 27/8/2010 trùng với thời điểm giải ngân đối với hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 68/11/VAB-QNH/HĐNH ngày 29/12/2011, tuy nhiên tại thời điểm này hợp đồng tín dụng số 09/10/VAB-Nh/HĐNH ngày 27/8/2010 đã kết thúc, nên ngay sau đó Ngân hàng tiếp tục giải ngân cho ông C, bà K vay vốn theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 68/11/VAB-QNH/HĐNH (Thể hiện qua giấy rút tiền mặt ngày 29/12/2011, bà K đã rút 3.2 tỷ đồng) là đúng theo quy định tại Quy chế cho vay số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng đã rút yêu cầu tính lãi phạt chậm trả với số tiền là 1.131.375.979đ. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông C, bà K có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 25/06/2018 số tiền là 8.905.329.873đ (Trong đó: tiền gốc là 3.092.127.000đ; tiền lãi trong hạn là 646.774.010đ; tiền lãi quá hạn là 5.166.428.863đồng) và ông bà còn phải tiếp tục

trả số nợ lãi quá hạn trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng phát sinh sau ngày 25/6/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc là có căn cứ. Do đó, lời ông C nại Ngân hàng TMCP A thực hiện việc đảo nợ đối với hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 68/11VAB-QNH/HĐNH ngày 29/12/2011 là trái với quy định pháp luật, hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 68/11VAB-QNH/HĐNH ngày 29/12/2011 bị vô hiệu do vi phạm điều cấm nên bị đơn không phải tính lãi là không có cơ sở.

[2.2] Về hợp đồng thế chấp: Công ty Z đã dùng tài sản của Công ty để đảm bảo cho bà K, ông C vay tiền theo hợp đồng thế chấp số 09/10/VAB-QNH/TCBLBDS ngày 27/8/2010 và phụ lục hợp đồng thế chấp số 09/10/VAB-QNH/TCBLBDS ngày 29/12/2011. Tài sản thế chấp là nhà và đất có số thửa 194, tờ bản đồ số 16, địa chỉ tại số 159 đường M, Phường N, TP. X, được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số AD 713494, sổ vào sổ T00420 ngày 05/01/2006 cho Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng công nghiệp dân dụng (Nay đổi thành Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Z). Hợp đồng đã được chứng thực và đăng ký thế chấp đúng quy định, các bên tham gia ký kết là hoàn toàn tự nguyện theo quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 130 Luật Đất đai 2003 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và khoản 5, 6 Điều 3 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006. Mặt khác, theo Điều 5, Điều 6.1, 6.2 của Hợp đồng thế chấp và Điều 1 của Phụ lục hợp đồng thế chấp, nghĩa vụ được bảo đảm bên thế chấp Công ty Z tự nguyện đồng ý thế chấp tài sản của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự cho toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh theo hợp đồng số 68/11/VAB-QNH/HĐNH ngày 29/12/2011. Hơn nữa, như đã phân tích ở trên là hợp đồng tín dụng số 09/10/VAB-Nh/HĐNH ngày 27/8/2010 đã kết thúc trước khi Ngân hàng giải ngân cho ông C, bà K vay vốn theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 68/11/VAB-QNH/HĐNH. Do đó, cấp sơ thẩm quyết định nêu bà K,

ông C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi thì Công ty cổ phần Z có nghĩa vụ trả thay cho ông C, bà K trong phạm vi đảm bảo. Nếu Công ty Z không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh thì toàn bộ tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 09/10/VAB-QNH/TCBLBĐS ngày 27/8/2010 và phụ lục hợp đồng thế chấp số 09/10/VAB-QNH/TCBLBĐS ngày 29/12/2011 sẽ được phát mãi theo quy định của pháp luật để trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ. Do đó, lời ông C nại cấp sơ thẩm tuyên cho phát mãi tài sản thế chấp là không đúng quy định của pháp luật, cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

[2.3] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn: Ngày 21 tháng 4 năm 2014 ông Nguyễn Đăng C và bà Phạm Thị Minh K có đơn phản tố yêu cầu Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh X trừ số tiền đáo hạn 50.000.000 đồng vào số tiền gốc cho ông bà; Xác định số tiền gốc tranh chấp là 2.800.000.000 đồng; Yêu cầu tính tiền lãi trong hạn và quá hạn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình xét xử vụ án, mặc dù đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập và tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐST-KDTM ngày 29/3/2018 cho ông C và bà K (bút lục số 430, 431); Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐST-KDTM ngày 25/5/2018 (bút lục số 477, 480) nhưng ông C, bà K đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên căn cứ theo điểm c khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về Án phí:

[3.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đăng C và bà Phạm Thị Minh K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu án phí doanh thương mại sơ thẩm nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Nguyễn Đăng C phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn Đăng C là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 23/2018/KDTM-ST ngày 25 tháng 6 năm 2018, của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

[5] Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 318, 319, 320, 323, 323, 361, 362, 363, 471, 474, 715, 716, 717 và Điều 721 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 5 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 6 Điều 18, khoản 4, 5 Điều 27 Pháp

lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 29, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đăng C. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 23/2018/KDTM-ST ngày 25 tháng 6 năm 2018, của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1. Buộc bà Phạm Thị Minh K và ông Nguyễn Đăng C có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền: 8.905.329.873 đồng (Trong đó nợ gốc: 3.092.127.000 đồng lãi trong hạn : 646.774.010 đồng, lãi quá hạn: 5.166.428.863 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 25 tháng 6 năm 2018), ông C, bà K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 68/11/VAB-QNH/HĐNH ngày 29/12/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần A thì lãi suất mà ông C, bà K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần A .

Nếu ông C, bà K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi thì toàn bộ tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 09/10/VAB-QNH/TCBLBĐS ngày 27/8/2010 và phụ lục hợp đồng thế chấp số 09/10/VAB-QNH/TCBLBĐS ngày 29/12/2011 sẽ được phát mãi theo quy định của pháp luật

để trả nợ cho Ngân hàng là nhà và đất có số thửa 194, tờ bản đồ số 16, địa chỉ nhà đất tại số 159 đường M, Phường N, TP. X, được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số AD 713494, số vào sổ T00420 ngày 05/01/2006 cho Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng công nghiệp dân dụng (Nay đổi thành Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Z).

Trong trường hợp việc phát mãi tài sản không đủ để trả nợ, ông C, bà K phải tiếp tục thanh toán các khoản nợ cho đến khi trả xong.

Nếu ông C, bà K hoàn thành việc trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có trách nhiệm hoàn trả các giấy tờ thế chấp tài sản đã giữ cho Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Z.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Minh K và ông Nguyễn Đăng C về việc xin được giảm nợ gốc và nợ lãi.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu Ngân hàng Thương mại cổ phần A phải trừ 50.000.000 đồng vào nợ gốc và xác định nợ gốc 2.800.000.000 đồng để tính lãi suất.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A về việc không yêu cầu ông C, bà K phải trả lãi phạt chậm trả.

5. Về Án phí:

5.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Minh K và ông Nguyễn Đăng C phải chịu 116.905.329 đồng. Sung công quỹ Nhà nước 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp theo biên lai thu tiền số 01455 ngày 21/4/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A 56.056.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00167 ngày 07 tháng 05 năm 2013 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

5.2 Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Nguyễn Đăng C phải chịu 2.000.000 đồng, được trừ vào 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009548 ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Quy Nhơn;
- Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công A